stt	ma	ten	dvt	bhyt	gia_th	gia_bh
1	GHI0003	Ghi điện não thường quy	Lần	100	150000	64300
2	GHI0002	Đo điện thế kích thích bằng điện cơ	Lần	100	350000	128000
3	DIE002	Điện tâm đồ	Lần	0	50000	0
4	DIE0197	Điện tim thường	Lần	100	50000	32800
5	GHI0001	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Lần	100	50000	32800
6	DIE0196	Điện tim thường - ẩn	Lần	100	50000	45900
7	KHOK	Không khám	Lần	0	0	0
8	KHA0017	Khám qua điện thoại	Lần	0	0	0
9	KHA0016	Khám bệnh (ngoài giờ)	Lần	0	150000	0
10	KHA0015	Khám bệnh Nhi		100	100000	38700
11	KHA007	Khám bệnh	Lần	100	100000	38700
12	KHA008	Khám u máu nhi	Lần	100	38700	38700
13	GIU006	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A02	Ngày	100	250000	171400
14	NGA0007	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A21	Ngày	100	200000	171400
15	BAO005	Bao phòng A23	Phòng	0	750000	0

16	BAO003	Bao phòng A17	Phòng	0	1050000	0
17	BAO001	Bao phòng A14	Phòng	0	800000	0
18	NGA008	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A23	Ngày	100	200000	171400
19	NGA0107	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A14m	Ngày	100	400000	171400
20	NGA0104	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A05m	Ngày	100	300000	171400
21	NGA0105	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A11m	Ngày	100	250000	171400
22	NGA0004	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A14	Ngày	100	350000	171400
23	NGA0103	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A02m	Ngày	100	300000	171400
24	NGA0106	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A12m	Ngày	100	400000	171400

25	NGA0006	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A17	Ngày	100	300000	171400
26	NGA0109	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A17m (3 giường)	phòng	100	350000	171400
27	NGA0002	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A05	Ngày	100	250000	171400
28	NGA0005	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A12	Ngày	100	350000	171400
29	NGA0003	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A11	Ngày	100	171400	171400
30	BAO004	Bao phòng A21	Phòng	0	750000	0
31	NGA0111	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A23m	Ngày	100	250000	171400
32	NGA0108	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A17m	Ngày	100	350000	171400
33	NGA0110	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A21m	Ngày	100	250000	171400

34	BAO002	Bao phòng A12	Phòng	0	800000	0
35	NGA0101	Ngày giường bệnh nội khoa phòng A17 (3 giường)	phòng	100	300000	171400
36	VAR002	Varicella Zoster IgG (Thủy đậu)	Lần	0	165000	0
37	H.P0003	H.pylori (IgG+CIM)	Lần	0	222000	0
38	THI0001	THIẾU MÁU	Lần	0	309000	0
39	XET0004	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công	Lần	100	94000	56000
40	DIN0066	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	Lần	100	163000	86200
41	VDR0002	VDRL	Lần	0	120000	0

42	DIN0071	Định lượng Digoxin [Máu]	Lần	100	186000	86200
43	HBE0003	HBeAb miễn dịch bán tự động	Lần	100	109000	95500
44	DIN0058	Định lượng IgA (Immunoglobuline A) [Máu]	Lần	100	64600	64600
45	DIN0083	Định lượng Cholesterol toàn phần (dịch chọc dò)	Lần	100	33000	26900
46	DUO0003	DƯỚI 40 TUỔI	Lần	0	1269100	0
47	COC0004	Co cục máu đông	Lần	100	20000	14900
48	ksk0003	khám sức khỏe cs3	Lần	0	393000	0
49	BEN0001	BỆNH KHỚP	Lần	0	385000	0
50	HPV0099	HPV PCR	lần	0	967000	0
51	EBV0005	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động	Lần	100	227000	184000
52	EBV0004	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	Lần	100	227000	191000
53	DIN0086	Định lượng Triglycerid (dịch chọc dò)	Lần	100	32000	26900
54	DIN0085	Định lượng Protein (dịch chọc dò)	Lần	100	25000	21500

55	DIN0055	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies) [Máu]	Lần	100	571000	408000
56	DIN0054	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]	Lần	100	269000	176000
57	DIN0069	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]	Lần	100	169000	86200
58	DIN0070	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	Lần	100	180000	91600
59	XN002	C4	Lần	100	122000	59200
60	DIN0068	Định lượng HE4 [Máu]	Lần	100	426000	300000
61	DIN0067	Định lượng Cyfra 21- 1 [Máu]	Lần	100	134000	96900
62	DIN0060	Định lượng IgM (Immunoglobuline M) [Máu]	Lần	100	64600	64600
63	DIN0059	Định lượng IgG (Immunoglobuline G) [Máu]	Lần	100	64600	64600

64	DIN0084	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)	Lần	100	25000	12900
65	DIN0082	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	Lần	100	25000	21500
66	DIN0044	Định lượng Cortisol (máu)	Lần	100	122000	91600
67	DIN0065	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]	Lần	100	291000	134000
68	DIN0063	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	Lần	100	184000	139000
69	DIN0053	Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin) [Máu]	Lần	100	269000	269000
70	DIN0057	Định lượng Anti CCP [Máu]	Lần	100	369000	312000
71	DIN0061	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	Lần	100	164000	91600
72	DOH0010	Định lượng Amylase (dịch)	Lần	100	48000	21500

73	VIN0001	Vi nấm soi tươi	Lần	100	73000	41700
74	VIN0002	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	Lần	100	238000	238000
75	VIK0003	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	Lần	0	250000	0
76	DEN004	Dengue IgG	Lần	0	133000	0
77	CEL0001	Cell block / dịch	Lần	0	280000	0
78	VIK0002	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	Lần	100	238000	238000
79	ADA0001	ADA (Adenosine Deaminase) /dịch	Lần	0	104000	0
80	VIK0004	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh	Lần	100	1314000	1314000
81	CMV0007	CMV IgG miễn dịch bán tự động	Lần	100	244000	113000
82	PHA0004	Phản ứng Rivalta [dịch]	Lần	100	40000	8500
83	VIK0001	Vi khuẩn nhuộm soi	Lần	100	90000	68000

84	XET0005	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	Lần	100	51000	34600
85	DIN0064	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	Lần	100	206000	150000
86	DIN0043	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	Lần	100	177000	86200
87	PCR003	PCR HPV định tính	Lần	0	450000	0
88	PRO0001	Procalcitonin	Lần	0	375000	0
89	TRE0004	Treponema pallidum nhuộm soi	Lần	100	68000	68000
90	BIL003	Bilirubin GT	Lần	0	22000	0
91	VAR003	Varicella Zoster IgM (Thủy đậu)	Lần	0	165000	0
92	HEO001	Heroin/Morphine máu	Lần	0	130000	0
93	TAM0001	TẦM SOÁT UNG THƯ (NỮ)	Lần	0	1102000	0
94	HBE0001	HBeAg miễn dịch bán tự động	Lần	100	144000	95500

95	CMV0005	CMV IgM miễn dịch bán tự động	Lần	100	281000	130000
96	ANT011	Anti TPO (Antimicrosomal)		0	275000	204000
97	XET0006	Xét nghiệm Khí máu	Lần	100	248000	215000
98	PEP0001	Peptide C	Lần	0	209000	0
99	DOH0011	Đo hoạt độ LDH (dịch chọc dò)	Lần	100	33000	26900
100	DIN0062	Định lượng CA^{125} (cancer antigen 125) [Máu]	Lần	100	219000	139000
101	DIN0046	Định lượng Estradiol [Máu]	Lần	100	126000	80800
102	TRE0005	TRÊN 40 TUỔI	Lần	0	1413100	0
103	BIL002	Bilirubin TT	Lần	0	25000	0
104	BIL001	Bilirubin TP	Lần	0	25000	0
105	TAM0002	TẦM SOÁT UNG THƯ (NAM)	Lần	0	907000	0
106	ANT100	Anti dsDNA	Lần	0	272000	0
107	DLD0001	Định lượng Albumin[dịch màng bụng]		0	25000	0
108	DIN0088	Định lượng Creatinin (dịch chọc dò)	lần	0	25000	0

109	DIN0090	Định lượng Ure (dịch màng bụng - màng phổi - màng tim)	lần	100	25000	21500
110	XN001	C3	Lần	100	122000	59200
111	TT03.C3.1.HS.30	Gamma GT (γ GT)	Lần	0	32000	0
112	WID001	Phản ứng Widal	Lần	0	80000	0
113	DIN0019	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	100	25000	21500
114	ALK001	Alkalin Phosphatase (ALP)	Lần	0	35000	0
115	LAC001	Lactate Dehydrogenase (LDH)	Lần	0	33000	0
116	DIN0022	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]	Lần	100	75400	75400
117	ALB001	Albumin	Lần	0	25000	0
118	GLO001	Globulin	Lần	0	44000	0
119	PRO002	Progesterone	Lần	0	146000	0
120	HIV001	HIV	Lần	0	127000	0
121	H.P001	H.pylori IgG	Lần	0	94000	0
122	AMY001	Amylase máu	Lần	0	48000	0
123	GLU002	Glucose đói	Lần	0	25000	0
124	DIN0023	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Lần	100	33000	26900
125	TES001	Test HP (IgG - IgM)	Lần	0	210000	0
126	H.P002	H.pylori IgM	Lần	0	94000	0

127	DIN0015	Định lượng Creatinin (máu)	Lần	100	25000	21500
128	HBA002	HbA1c	Lần	0	144000	0
129	DEN002	Dengue NS1 Ag	Lần	0	162000	0
130	TES002	Testostero ne	Lần	0	126000	0
131	RUB001	Rubella IgG	Lần	0	122000	0
132	C5.1.36R	Ure máu	Lần	0	25000	0
133	RUB002	Rubella IgM	Lần	0	143000	0
134	BUN002	BUN	Lần	0	25000	0
135	C5.1.36B	Creatine máu	Lần	0	25000	0
136	C5.1.39D	Cholesterol	Lần	0	33000	0
137	C5.1.39A	Triglycerid e	Lần	0	32000	0
138	DIN0037	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	Lần	100	96900	96900
139	C5.1.39E	HDL	Lần	0	29000	0
140	DIN0024	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	100	35000	26900
141	VLD001	VLDL	Lần	0	85000	0
142	LIP004	Lipid total	Lần	0	60000	0
143	CK001	CK	Lần	0	32000	0
144	CK-001	CK - MB	Lần	0	48000	0
145	IGE001	IgE	Lần	0	202000	0
146	NT-001	NT-proBNP	Lần	0	468000	0
147	ANA001	Kháng thể kháng nhân: ANA	Lần	0	288000	0
148	FEH001	Fe huyết thanh	Lần	0	39000	0
149	FER001	Ferritin	Lần	0	132000	0

150	TRA001	Tranferrin	Lần	0	78000	0
151	INR001	INR	Lần	0	154000	0
152	C5.1.34	ION đồ (K, Na,Cl, Ca)	Lần	0	85000	0
153	DIN0014	Định lượng Urê máu [Máu]	Lần	100	25000	21500
154	PHO009	Phosphorus	Lần	0	29000	0
155	DOH0005	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase) [Máu]	Lần	100	35000	21500
156	LIP003	Lipoprotein (APO - A1)	Lần	0	84000	0
157	LIP002	Lipoprotein (APO - A1 + APO- B)	Lần	0	156000	0
158	C5.1.39F	LDL	Lần	0	35000	0
159	TRO002	Troponin - I	Lần	0	155000	0
160	TRO001	Troponin - T	Lần	0	165000	0
161	XET0002	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Lần	100	40000	15200
162	DIN0012	Định lượng Glucose [Máu]	Lần	100	25000	21500
163	DIN0013	Định lượng HbA1c [Máu]	Lần	100	188000	101000
164	GLU001	Glucose (sau ăn)	Lần	0	25000	0
165	INS001	Insulin	Lần	0	112000	0

166	TON0001	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	100	85000	46200
167	DỊ0001	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (CMIA/ECLIA) [Máu]	Lần	100	598000	471000
168	HBS0003	HBsAg miễn dịch bán tự động	Lần	100	108000	74700
169	HBS0005	HBsAb định lượng	Lần	100	145000	116000
170	DIN0049	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	Lần	100	239000	64600
171	DIN0050	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	Lần	100	105000	64600
172	HBV001	HBV - DNA (định lượng)	Lần	0	330000	0

173	THO0006	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	Lần	100	71000	63500
174	THO0007	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	Lần	100	65000	40400
175	HBV0006	HBV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	100	900000	664000
176	DIN0051	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Lần	100	98000	64600
177	T3-001	Định lượng T4	Lần	0	175000	0

178	DIN0003	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	Lần	100	108000	102000
179	THO0008	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	Lần	100	92000	40400
180	NGH0002	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Lần	100	80800	80800
181	HBC0003	HBc IgM miễn dịch bán tự động	Lần	100	166000	113000
182	DIN0025	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	100	29000	26900

183	DIN0005	Định lượng AT/AT III (Anti thrombin/ Anti thrombinIII)	Lần	100	525000	138000
184	DIN0048	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Lần	100	104000	59200
185	DIN0004	Định lượng D-Dimer	Lần	100	458000	253000
186	NGH0001	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Lần	100	80800	80800
187	DIN0026	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Lần	100	32000	26900
188	DOH0003	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	100	32000	21500
189	DIN0008	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Lần	100	199000	86600

190	HCV0005	HCV Ab miễn dịch bán tự động	Lần	100	161000	119000
191	DOH0002	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	100	32000	21500
192	DOH0004	GGT	Lần	100	32000	19200
193	DIN0047	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	Lần	100	143000	80800
194	HAV0006	HAV total miễn dịch bán tự động	Lần	100	161000	101000
195	DIN0028	Định lượng Mg [Máu]	Lần	100	39000	32300
196	ION2	ION ĐỒ (Fe, Mg, P)	Lần	0	86000	0
197	DIN0029	Định lượng Phospho (máu)	Lần	100	29000	21500
198	DIN0031	Định lượng Transferin [Máu]	Lần	100	78000	64600
199	HAV0004	HAV IgM miễn dịch bán tự động	Lần	100	184000	106000
200	DIE035	Điện di Hemoglobin	Lần	0	320000	0
201	CAL0010	Calci [Máu]	Lần	0	25000	0
202	DIN0032	Định lượng Ferritin [Máu]	Lần	100	149000	80800

203	XET0003	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	Lần	100	51000	40400
204	DIE0198	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	Lần	100	66000	29000
205	PHE001	Phết máu ngoại biên	Lần	0	78000	0
206	DIN0002	Định lượng Beta 2 Microglobulin	Lần	100	129000	75400
207	DIN0030	Định lượng Sắt [Máu]	Lần	100	39000	32300
208	HCV0007	HCV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	100	879000	824000
209	MAG001	Magnesium máu	Lần	0	39000	0
210	HCV001	HCV - RNA (định lượng)	Lần	0	600000	0
211	DIN0006	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)	Lần	100	1538000	231000
212	DIN0007	Định lượng Protein S toàn phần	Lần	100	1549000	231000
213	DIN0027	Định lượng Calci toàn phần [Máu]	Lần	100	25000	12900

214	DIN0018	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	100	25000	21500
215	DIN0016	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	100	25000	21500
216	HLA0027	HLA - B27	Lần	0	1200000	0
217	DIN0056	Định lượng RF (Reumatoid Factor) [Máu]	Lần	100	54000	37700
218	KHA010	Kháng thể kháng cơ trơn ASM	Lần	0	1030000	0
219	DIN0017	Định lượng Bilirubin gián tiếp	Lần	0	22000	0
220	DIN0052	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]	Lần	100	257000	236000
221	CRP001	CRP định lượng	Lần	0	55000	0
222	C5.1.4	Điện di Protein	Lần	0	360000	0
223	C5.1.36F	Protein máu toàn phần	Lần	0	25000	0
224	STR0002	Streptococcus pyogenes ASO	Lần	100	55000	41700
225	A/G001	A/G	Lần	0	47000	0
226	DIN0042	Định lượng ACTH (Adrenocorticotropic hormone)	Lần	0	204000	80800

227	DIN0021	Định lượng Albumin [Máu]	Lần	100	25000	21500
228	AND001	Aldosteron [Máu]	Lần	0	234000	0
229	DIN0033	Định lượng Globulin [Máu]	Lần	100	44000	21500
230	DOH0006	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Lần	100	48000	21500
231	DIN0045	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	Lần	100	162000	80800
232	DIN0020	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Lần	100	25000	21500
233	DOH0008	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]	Lần	100	33000	26900
234	DIN0036	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]	Lần	100	467000	408000
235	DIN0040	Định lượng Vitamin B12 [Máu]	Lần	100	275000	75400
236	DOH0007	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	Lần	100	48000	37700

237	DIN0034	Định lượng Pro-GRP (Pro-Gastrin-Releasing Peptide) [Máu]	Lần	100	504000	349000
238	DIN0035	Định lượng Troponin Ths [Máu]	Lần	100	155000	75400
239	DIN0038	Định lượng Ceruloplasmin [Máu]	Lần	100	98000	70000
240	CPK01	CPK		0	90000	0
241	DIN0039	Định lượng Homocystein [Máu]	Lần	100	155000	145000
242	DIN0099	Định lượng hoạt tính yếu tố V Leiden	lần	0	690000	0
243	CYS0002	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	100	298000	298000
244	STR0003	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	100	298000	298000
245	PAR0002	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	100	298000	298000

246	CLO001	Clonorchis sinensis IgM/G (sán lá gan nhỏ)	Lần	0	155000	0
247	FAS0002	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	100	290000	178000
248	GNA0002	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	100	298000	298000
249	TOX0099	HTCĐ.Toxocara canis (giun đũa chó)	lần	0	298000	0
250	TOX0100	Toxoplasma gondii		0	298000	0
251	ECH001	Echinococcus - IgM/IgG (sán dãi chó)	Lần	0	290000	0
252	SCH002	Schistosoma mansoni - IgG (sán máng)	Lần	0	102000	0
253	E.H001	E.histolytica (Amip trong gan/phổi)	Lần	0	298000	0
254	ASC001	Ascaris lumbricoides - IgM/IgG (Giun đũa)	Lần	0	240000	0
255	FIL001	Filariasis (giun chỉ)	Lần	0	84000	0
256	DO.TH001	Độ thanh thải Creatinine	Lần	0	59000	0

257	TON0002	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Lần	100	38000	27400
258	SOI001	Soi cặn nước tiểu	Lần	0	50000	0
259	DIN0078	Định tính Protein Bence - jones [niệu]	Lần	100	25000	21500
260	CAN0008	Cặn Addis	Lần	100	50000	0
261	DIN0074	Định lượng Cortisol (niệu)	Lần	100	122000	91600
262	DIN0075	Định lượng Creatinin (niệu)	Lần	100	25000	16100
263	DIN0073	Định lượng Axit Uric (niệu)	Lần	100	25000	16100
264	DIN0077	Định lượng Protein (niệu)	Lần	100	25000	13900
265	DOH0009	Định lượng Amylase (niệu)	Lần	100	47000	37700
266	MIC001	Micro-abumin niệu	Lần	0	59000	0
267	DIE0199	Điện giải (Na, K, Cl) (niệu)	Lần	100	66000	29000
268	DIN0079	Định lượng Urê (niệu)	Lần	100	24000	16100
269	DIN0076	Định lượng Glucose (niệu)	Lần	100	25000	13900
270	DAM001	Đạm niệu 24h	Lần	0	25000	0

271	HON0004	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	Lần	100	78000	38200
272	C5.4.1A	Soi phân KSTĐR - AMIB	Lần	0	80000	0
273	MAU002	Máu ẩn trong phân	Lần	0	72000	0
274	CHU0133	Chụp Xquang khớp vai thẳng số hóa 1 phim	Lần	100	70000	65400
275	CHU0143	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch 1 phim	lần	100	70000	65400
276	CHU0131	Chụp Xquang khung chậu thẳng số hóa 1 phim	Lần	100	100000	65400
277	CHU0145	Chụp Xquang xương đòn thẳng số hóa 1 phim	Lần	100	90000	65400
278	CHU0142	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
279	CHU0123	Chụp Xquang khớp háng thẳng số hóa 1 phim	Lần	100	100000	65400

280	CHU0130	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
281	CHU0136	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
282	DOL001	Đo loãng xương	lần	0	120000	0
283	SIE0007	Siêu âm cơ	Lần	0	100000	0
284	SIE0004	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Lần	100	100000	43900
285	SIE0008	Siêu âm Khớp	Lần	0	100000	0
286	SIE003	Siêu âm tuyến giáp	Lần	0	100000	0
287	SIE0006	Siêu âm tuyến vú	Lần	0	100000	0
288	CHU0103	Chụp Xquang Hirtz số hóa	Lần	100	70000	65400
289	CHU0146	Chụp Xquang Blondeau số hóa	Lần	100	70000	65400
290	CHU0101	Chụp Xquang sọ số hóa thẳng, nghiêng 1 phim	Lần	100	120000	65400

291	CHU0105	Chụp Xquang khớp thái dương hàm 1 bên (ngậm - há) số hóa	Lần	100	90000	65400
292	CHU0114	Chụp Xquang ngực thẳng số hóa	Lần	100	100000	65400
293	CHU0113	Chụp Xquang ngực nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	100000	65400
294	CHU0110	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn số hóa 1 phim	Lần	100	100000	65400
295	CHU0111	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
296	CHU0129	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
297	CHU0125	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400

298	CHU0128	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng số hoá	Lần	100	120000	65400
299	CHU0112	Chụp Xquang cột sống cổ chếch số hóa hai bên 1 phim	Lần	100	120000	65400
300	1	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2 thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	80000	65400
301	CHU0127	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
302	CHU0108	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
303	CHU0126	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400

304	CHU0117	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
305	CHU0040	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng số hóa	Lần	100	120000	65400
306	CHU0109	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng số hóa 1 phim	Lần	100	95000	65400
307	CHU0118	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
308	CHU0120	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè số hóa 1 phim	Lần	100	70000	65400
309	CHU0138	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400

310	CHU0122	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
311	CHU0141	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
312	CHU0137	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
313	CHU0116	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
314	CHU0119	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
315	CHU0140	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400

316	CHU0121	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng (tư thế đứng) số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
317	CHU0135	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng số hóa 1 phim	Lần	100	120000	65400
318	XOA0122	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	100	100000	65500
319	XOA0080	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria-Nhi	Lần	100	100000	65500
320	XOA0125	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần	0	100000	0
321	XOA0132	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	100	100000	65500
322	XOA0057	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hoá khớp-Nhi	Lần	0	100000	0

323	DIE0141	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser trên 10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	100	3500000	1230000
324	DIE0137	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 6-10 lần phát tia (lần 2)	Lần	100	3500000	1230000
325	DIE0010	Điều trị sẹo xấu bằng Laser loại 3	Lần	0	8500000	0
326	DIE0006	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng (loại khó)	Lần	0	440000	0
327	KEO0106	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy	Lần	0	80000	0
328	DIE0108	Điều Trị u máu bằng laser có gây mê	Lần	100	5000000	0

329	DIE0004	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng (loại đơn giản)	Lần	0	150000	0
330	DIE0003N	ĐIỀU TRỊ SÙI MÀO GÀ (GÂY MÊ) BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, NITƠ LỎNG	Lần	100	682000	682000
331	DIE0012	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng laser: YAG-KTP, Rubi, IPL...	Lần	0	5000000	0
332	CAI0003	Cải thiện sẹo rỗ, vết nhăn sâu vùng mặt (lần 3 trở lên)	Lần	0	2500000	0
333	KY0008	Tập lăn trở khi nằm	Lần	0	85000	0
334	CUU0016	Cứu điều trị bại não thể hàn-Nhi	Lần	0	80000	0
335	THO010	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	Lần	0	250000	0

336	DIE0002N	ĐIỀU TRỊ BỚT SẮC TỐ, CHỨNG TĂNG SẮC TỐ BẰNG LASER: YAG-KTP,RUBY, IPL...	Lần	100	1230000	1230000
337	DIE0146	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	333000
338	CXK0036	Tập do liệt thần kinh trung ương	Lần	100	42000	41800
339	DIE0012N	ĐIỀU TRỊ MẮT CÁ CHÂN BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
340	NHI0005	Nhĩ châm điều trị mất ngủ	Lần	0	100000	0
341	CXK0035	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người,liệt các chi,tổn thương hệ vận động	Lần	0	40000	0

342	DIE0111	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 1-5 lần phát tia (lần 2)	Lần	100	2500000	1230000
343	DIE0112	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 1-5 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	100	2000000	1230000
344	DIE0128	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	333000
345	DIE0139	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser trên 10 lần phát tia (lần 1)	Lần	100	5000000	1230000
346	DIE0010N	ĐIỀU TRỊ CÁC THƯƠNG TỔN CÓ SÙI BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	330000	330000

347	GIA0005	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Lần	100	100000	33200
348	CXK0051	Kỹ thuật di động khớp	Lần	0	51000	0
349	DVD0003	Nắn, bó gẫy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	Lần	0	105000	105000
350	NGA0013	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Lần	100	100000	49400
351	KEO0107	Kéo nắn cột sống cổ	Lần	100	70000	45300
352	BOP0001	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ (cấp cứu)	Lần	100	458000	0
353	CAP001	Cấp phó bản các loại giấy đã cấp	Lần	0	70000	0
354	DIE0011	Điều trị sẹo xấu bằng Laser loại 4	Lần	0	18000000	0
355	DIE0124	Điều Trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	333000
356	GIA0004	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần	100	100000	33200

357	KEO0105	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy	Lần	0	80000	0
358	KEO0108	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần	100	70000	45300
359	CXK0012	Tập với xe lăn - Nhi	Lần	100	29000	0
360	XOA0017	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới- Nhi	Lần	100	100000	65500
361	XOA0118	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	100	100000	65500
362	XOA0130	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần	100	100000	65500
363	XOA0134	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Lần	100	100000	65500
364	CAP004	Cấp tóm tắt bệnh án bằng tiếng Anh	Lần	0	220000	0
365	CXK0056	Tập đi với khung tập đi	Lần	100	54000	29000

366	XOA0068	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá-Nhi	Lần	100	100000	65500
367	DIE0014	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng laser: YAG-KTP, Rubi, IPL...(lần 2)	Lần	0	4500000	0
368	KEO0102	Kéo nắn cột sống cổ-Nhi	Lần	100	70000	45300
369	LAY003	Lấy máu tĩnh mạch một lần	Lần	0	20000	0
370	DIE0150	Điều Trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	333000
371	DIE0133	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 1-5 lần phát tia (lần 1)	Lần	100	3000000	1230000
372	XOA0026	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai-Nhi	Lần	100	100000	65000

373	THU0008	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	0	130000	0
374	VAN0011	Vận chuyển người bệnh đi làm Cận lâm sàng	Lần	0	150000	0
375	THU0007	Thủy châm điều trị đau lưng	Lần	0	130000	0
376	NHI0004	Nhĩ châm-Nhi	Lần	100	100000	65300
377	CHA0105	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	Lần	100	58000	57600
378	XOA0034	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu-Nhi	Lần	100	100000	65500
379	KHI0001	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Lần	100	70000	20400
380	DIE0018	Điện mãng châm (ngoài giờ)	Lần	0	120000	0
381	DIE0017	Điện châm (ngoài giờ)	Lần	0	120000	0
382	CAY0013	Cấy chỉ (ngoài giờ)	Lần	0	660000	0

383	CXK0005	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	Lần	100	40000	0
384	CXK0044	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	Lần	100	85000	46900
385	CXK0067	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	Lần	0	85000	0
386	TRU0004	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ (ngoại trú)	Lần	100	70000	0
387	HOI0002	Hội chẩn ngoại viện	Lần	0	500000	0
388	XOA0072	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì-Nhi	Lần	100	100000	65500
389	CXK0047	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer …)	Lần	100	31000	30100
390	HOI0001	Hội chẩn nội viện	Lần	0	200000	0
391	THA008	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Lần	0	100000	0
392	ANH003	Ánh sáng xanh trị liệu bệnh da	Lần	0	180000	0

393	DIE0153	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	333000
394	DIE0008	Điều trị sẹo xấu bằng Laser loại 1B	Lần	0	5500000	0
395	CXK0025	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy cổ xương đùi	Lần	100	40000	0
396	THO001	Thở oxy cách quãng (>8 lần)	Ngày	0	150000	0
397	XON0004	Xông hơi thuốc	Lần	100	43000	42900
398	XOA0070	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái-Nhi	Lần	100	100000	65500
399	CAY0014	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	0	560000	0
400	DAT0003	Đặt sonde bàng quang	Lần	100	91000	90100
401	GAR0003	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	Lần	0	80000	0
402	CAI0001	Cải thiện sẹo rỗ, vết nhăn sâu vùng mặt (lần 1)	Lần	0	3000000	0
403	TAP0051	Tập vận động có trợ giúp	Lần	0	85000	46900

404	NHI0009	Nhĩchâm điều trị béo phì	Lần	0	100000	0
405	CXK0034	Tập do cứng khớp	Lần	0	40000	0
406	CXK0045	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Lần	100	85000	46900
407	CXK0039	Tập vận động thụ động	Lần	0	85000	46900
408	DVD0007	Nhĩ châm	Lần	100	100000	65300
409	DVD107	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần	0	50000	35200
410	DIE0136	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 6-10 lần phát tia (lần 1)	Lần	100	4000000	1230000
411	DIE0014N	ĐIỀU TRỊ SẦN CỤC BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
412	THO0011	Thở Oxy cách quãng (>8 lần) 30 phút/lần	Lần	0	30000	0
413	NGA0011	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần	100	50000	49400

414	DVD0001	Nắn, bó gẫy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	Lần	0	105000	105000
415	DIE0005N	ĐIỀU TRỊ HẠT CƠM PHẲNG BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
416	DIE0006N	ĐIỀU TRỊ CHỨNG DÀY SỪNG BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG, GỌT CẮT BỎ	Lần	100	333000	333000
417	CHU001	Chuyển viện	Lần	0	50000	0
418	DVD1002	Luyện tập dưỡng sinh-DVD	Lần	0	50000	0
419	XON0005	Xông khói thuốc	Lần	100	38000	37900
420	THU004	Thụt Tháo	Lần	0	120000	90100
421	VAN0003	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	Lần	0	100000	0

422	CAI0002	Cải thiện sẹo rỗ, vết nhăn sâu vùng mặt (lần 2)	Lần	0	2800000	0
423	XOA0126	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Lần	100	100000	65500
424	XOA0056	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp-Nhi	Lần	100	100000	65500
425	XOA0110	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Lần	100	100000	65500
426	XOA0128	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Lần	100	100000	65500
427	TIE0001	Tiêm nội sẹo, nội thương tổn	Lần	0	600000	0
428	THA0001	Thay băng người bệnh chợt, loét da dưới 20% diện tích cơ thể	Lần	0	220000	0
429	TIE0010	Tiêm Nội sẹo, nội thương tổn	Lần	0	600000	0
430	NGA010	Ngày giường bệnh ban ngày	Ngày	0	125000	0

431	CXK0060	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	Lần	100	54000	29000
432	CXK0123	Luyện tập dưỡng sinh-CXK	Lần	0	50000	0
433	BOT0004	Bó thuốc	Lần	100	70000	50500
434	BOP0002	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	Lần	100	458000	216000
435	XOA0067	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón-Nhi	Lần	100	100000	65500
436	XOA0129	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	100	100000	65500
437	CXK0046	Tập các kiểu thở	Lần	100	31000	30100
438	XOA0071	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật-Nhi	Lần	100	100000	65500
439	XOA0035	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ-Nhi	Lần	100	100000	65500
440	CXK0057	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Lần	100	54000	29000

441	CHA0004	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	Lần	0	50000	0
442	XOA0015	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt-Nhi	Lần	100	100000	65500
443	NGA0009	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Lần	100	100000	49400
444	XOA0081	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Lần	100	100000	65500
445	XOA0016	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên-Nhi	Lần	100	100000	65500
446	XOA0139	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	Lần	100	100000	65500
447	XOA0099	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Lần	100	100000	65500
448	XOA0032	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp-Nhi	Lần	100	100000	65500

449	DIE0106	Điều trị bằng các dòng điện xung-Nhi	Lần	100	50000	41400
450	NGA0010	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần	100	50000	49400
451	GIA0006	Giác hơi điều trị các chứng đau	Lần	100	100000	33200
452	XOA0052	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn-Nhi	Lần	100	100000	65500
453	XOA0077	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng-Nhi	Lần	100	100000	65500
454	CHO004	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	Lần	0	100000	0
455	DIE0005	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng (loại trung bình)	Lần	0	300000	0

456	DIE0003	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng (loại khó)	Lần	0	440000	0
457	DIE0152	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	333000
458	DIE0122	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng, gọt cắt bỏ	Lần	100	440000	333000
459	NGA0008	Ngâm thuốc YHCT bộ phận-Nhi	Lần	100	50000	49400
460	CAY0016	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	Lần	0	560000	0
461	XOA0053	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn-Nhi	Lần	100	100000	65500

462	DIE0001	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng (loại đơn giản)	Lần	0	150000	0
463	DIE0002	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng (loại trung bình)	Lần	0	300000	0
464	DIE0119	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	682000	682000
465	CXK0021	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	Lần	0	40000	0
466	DIE0143	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	400000	333000

467	DIE0144	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	400000	333000
468	DIE0114	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 6-10 lần phát tia (lần 2)	Lần	100	3500000	1230000
469	DIE0115	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 6-10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	100	3000000	1230000
470	DIE0125	Điều Trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	333000
471	DIE0140	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser trên 10 lần phát tia (lần 2)	Lần	100	4500000	1230000

472	DIE0117	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser trên 10 lần phát tia (lần 2)	Lần	100	4500000	1230000
473	DIE0116	Điều Trị U máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser trên 10 lần phát tia (lần 1)	Lần	100	5000000	1230000
474	DIE0138	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 6-10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	100	3000000	1230000
475	CXK0019	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	Lần	100	40000	0
476	CXK0014	Vật lý trị liệu PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	Lần	100	40000	0

477	CXK0026	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy trên lồi cầu xương cánh tay	Lần	100	40000	0
478	CXK0032	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	Lần	100	40000	0
479	CXK0024	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gẫy thân xương đùi	Lần	100	40000	0
480	CXK0031	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh toạ	Lần	0	40000	0
481	CXK0070	Tập phối hợp tay miệng	Lần	100	85000	0
482	CXK0059	Tập lên, xuống cầu thang	Lần	100	45000	29000
483	CXK0069	Tập phối hợp tay mắt	Lần	100	85000	0
484	CXK0068	Tập phối hợp hai tay	Lần	100	85000	46900
485	CXK0065	Tập dáng đi	Lần	100	85000	0
486	CXK0052	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	Lần	0	51000	0
487	GIA0007	Giác hơi điều trị cảm cúm	Lần	100	100000	33200

488	CXK0008	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi - nhi	Lần	100	28500	0
489	DIE0113	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 6-10 lần phát tia (lần 1)	Lần	100	4000000	1230000
490	HUT0002	Hút đờm hầu họng	Lần	100	30000	11100
491	CXK0015	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay	Lần	100	29000	0
492	CXK0053	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	Lần	100	51000	0
493	CXK0054	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	Lần	100	51000	0
494	CXK0016	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	Lần	100	29000	0
495	TAP0025	Tập đi với khung tập đi	Lần	100	54000	29000
496	CXK0063	Tập đi với khung treo	Lần	100	54000	29000
497	CXK0058	Tập đi với gậy	Lần	100	54000	29000

498	CXK0027	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	Lần	0	40000	0
499	CXK0007	Sử dụng xe lăn - Nhi	Lần	100	29000	0
500	CXK0013	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	Lần	100	40000	0
501	CXK0018	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	Lần	100	40000	0
502	CXK0033	Vật lý trị liệu-PHCN cho người cao tuổi	Lần	100	40000	0
503	SAC0005	Sắc Thuốc thang	Lần	100	16000	12500
504	CXK0020	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	Lần	0	40000	0

505	XOA0058	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng-Nhi	Lần	100	100000	65500
506	DIE0013N	ĐIỀU TRỊ CHAI CHÂN BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
507	DIE0007N	ĐIỀU TRỊ DÀY SỪNG DA DẦU, ÁNH SÁNG BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
508	DIE0004N	ĐIỀU TRỊ HẠT CƠM BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
509	XOA0023	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới-Nhi	Lần	100	100000	65500
510	NHI0003	Nhĩ Châm (sử dụng nhĩ hoàn)	Lần	0	200000	0

511	DVD0002	Nắn, bó gẫy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	Lần	0	105000	105000
512	DIE0110	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 1-5 lần phát tia (lần 1)	Lần	100	3000000	1230000
513	DIE0008N	ĐIỀU TRỊ U MỀM LÂY BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
514	DIE0009N	ĐIỀU TRỊ U NHÚ, U MỀM TREO BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
515	DIE0134	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 1-5 lần phát tia (lần 2)	Lần	100	2500000	1230000

516	PHA0005N	PHẪU THUẬT CẮT BỎ CÁC U NHỎ DƯỚI MÓNG	Lần	100	1056000	1056000
517	DIE0013	Điều trị bớt sùi da đầu	Lần	0	440000	0
518	THU0005	Thuỷ châm	lần	100	130000	66100
519	CXK109	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần	0	50000	35200
520	CXK0043	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Lần	100	85000	46900
521	XOA0082	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Lần	100	100000	65500
522	DIE0149	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần	100	440000	330000
523	CHI0062N	CHÍCH RẠCH ÁP XE NHỎ	Lần	100	186000	186000
524	XOA0088	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần	100	100000	65500
525	XON002	Xông họng	Lần	0	40000	0

526	XAC003	Xác nhận điều trị ngoại trú	Lần	0	60000	0
527	CHA0104	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần) (cấp cứu)	Lần	100	58000	57600
528	DIE0135	Điều Trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser 1-5 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	100	2000000	1230000
529	DIE0118	Điều trị u máu, giãn mạch, chứng đỏ da bằng laser trên 10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	100	3500000	1230000
530	DIE0001N	ĐIỀU TRỊ U MÁU, GIÃN MẠCH, CHỨNG ĐỎ DA BẰNG LASER: YAG-KTP, ARGON...	Lần	100	1230000	1230000
531	CXK0037	Tập vận động cột sống	Lần	0	85000	0

532	DIE0011N	ĐIỀU TRỊ U ỐNG TUYẾN MỒ HÔI BẰNG ĐỐT ĐIỆN, PLASMA, LASER, NITƠ LỎNG	Lần	100	333000	333000
533	CXK0061	Tập đi với chân giả trên gối	Lần	100	54000	29000
534	CXK0066	Tập các vận động thô của bàn tay	Lần	0	85000	0
535	CXK0062	Tập đi với chân giả dưới gối	Lần	100	54000	29000
536	CAP0004	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Lần	100	479000	479000
537	CHO0003	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Lần	100	150000	137000
538	DAT0002	Đặt ống thông dạ dày	Lần	100	100000	90100
539	DIE1001	Điện tim thường	Lần	0	50000	0
540	KHI0002	Khí dung thuốc giãn phế quản	Lần	100	55000	20400
541	TAP0068	Tập vận động chủ động - NT	lần	0	85000	0
542	MAI0003	Mài da mặt bằng laser CO2 siêu xung, máy mài da	Lần	0	800000	0

543	XOA0103	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần	100	100000	65500
544	XOA0093	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Lần	100	100000	65500
545	CHU0005	Chườm ngải	Lần	100	36000	35500
546	DAT0005	Đặt thuốc YHCT	Lần	100	46000	45400
547	DIE0007	Điều trị sẹo xấu bằng Laser loại 1	Lần	0	5000000	0
548	CXK0042	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Lần	100	85000	42300
549	CXK10005	Nhĩ châm	Lần	100	100000	65300
550	CXK0006	Tập vận động toàn thân 30 phút - Nhi	Lần	0	85000	46900
551	MAI0004	Mai hoa châm (ngoài giờ)	Lần	0	120000	0
552	CAY0012	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Lần	0	560000	0
553	NHI0008	Nhĩ châm (ngoài giờ)	Lần	0	120000	0

554	XOA0075	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật-Nhi	Lần	100	100000	65500
555	CXK0050	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Lần	0	200000	50700
556	XOA0087	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	100	100000	65500
557	XOA0022	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên-Nhi	Lần	100	100000	65500
558	XOA0109	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần	100	100000	65500
559	XOA0030	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ-Nhi	Lần	100	100000	65500
560	XOA0106	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Lần	100	100000	65500
561	XOA0062	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic-Nhi	Lần	100	100000	65500

562	TAP0090	Tập vận động (ngoài giờ)	Lần	0	100000	0
563	XOA0049	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp-Nhi	Lần	100	100000	65500
564	XOA0076	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư-Nhi	Lần	100	100000	65500
565	XOA0033	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh-Nhi	Lần	100	100000	65500
566	XOA0116	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	Lần	100	100000	65500
567	CXK0029	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	Lần	100	85000	0
568	MAI0001	Mai hoa châm-Nhi	Lần	100	100000	64100
569	XOA0028	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ-Nhi	Lần	100	100000	65500
570	CAY0009	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	0	560000	0

571	KYT0012	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân (ngoài giờ)	Lần	0	240000	0
572	XOA0137	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Lần	100	100000	65500
573	XOA0043	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác-Nhi	Lần	100	100000	65500
574	CXK0038	Tập vận động tại giường	Lần	0	85000	0
575	HAO0004	Hào châm (ngoài giờ)	Lần	0	120000	0
576	XOA0020	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não-Nhi	Lần	100	100000	65500
577	XOA0050	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp-Nhi	Lần	100	100000	65500
578	XOA0089	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần	100	100000	65500
579	XOA0111	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần	100	100000	65500

580	CHI0001	Chích lể (ngoài giờ)	Lần	0	120000	0
581	DVD0006	Hào châm	Lần	100	100000	65300
582	XOA0045	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình-Nhi	Lần	100	100000	65500
583	XOA0021	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	Lần	100	100000	65500
584	XOA0083	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	100	100000	65500
585	XOA0115	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần	100	100000	65500
586	XOA0039	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V-Nhi	Lần	100	100000	65500
587	XOA0135	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	100	100000	65500

588	CXK0022	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	Lần	0	85000	0
589	XOA0127	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	100	100000	65500
590	XOA0048	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản-Nhi	Lần	100	100000	65500
591	XOA0003	Xoa bóp bấm huyệt cai thuốc lá	Lần	0	100000	0
592	XOA0091	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Lần	100	100000	65500
593	XOA0029	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh-Nhi	Lần	100	100000	65500
594	XOA0124	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Lần	100	100000	65500

595	XOA0095	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Lần	100	100000	65500
596	XOA0059	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ-Nhi	Lần	100	100000	65500
597	XOA3002	Xoa bóp bấm huyệt (ngoài giờ)	Lần	0	120000	0
598	XOA0100	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	100	100000	65500
599	CHI0020	Chích lể	Lần	100	100000	72300
600	XOA0097	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	100	100000	65500
601	XOA0073	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não-Nhi	Lần	100	100000	65500

602	XOA0086	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	100	100000	65500
603	XOA0133	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Lần	100	100000	65500
604	CUU1001	Cứu (ngoài giờ)	Lần	0	96000	0
605	XOA0041	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi-Nhi	Lần	100	100000	65500
606	CXK0064	Tập vận động chủ động	Lần	0	85000	0
607	XOA0024	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất-Nhi	Lần	100	100000	65500
608	DVD0009	Điện châm	Lần	100	100000	67300
609	XOA0005	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	Lần	100	100000	0
610	XOA0131	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Lần	100	100000	65500

611	XOA0108	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần	100	100000	65500
612	XOA0040	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên-Nhi	Lần	100	100000	65500
613	XOA0019	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ-Nhi	Lần	100	100000	65500
614	XOA0121	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần	100	100000	65500
615	XOA0066	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện-Nhi	Lần	0	100000	0
616	XOA0036	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress-Nhi	Lần	100	100000	65500
617	XOA0092	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần	100	100000	65500

618	XOA0138	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Lần	100	100000	65500
619	CXK0041	Tập vận động có kháng trở	Lần	0	85000	46900
620	XOA0038	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh-Nhi	Lần	100	100000	65500
621	XOA0047	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang-Nhi	Lần	100	100000	65500
622	CXK1002	Mai hoa châm	Lần	100	100000	65300
623	XOA0004	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý-Ẩn	Lần	0	100000	0
624	XOA0061	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy-Nhi	Lần	100	100000	65500
625	CXK0023	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	Lần	100	85000	0
626	DVD0005	Mai hoa châm	Lần	0	100000	65300

627	DRA001	Drap giường		0	120000	0
628	XOA0107	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị [nhi]	Lần	100	100000	65500
629	XOA0102	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	100	100000	65500
630	XOA0064	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi-Nhi	Lần	100	100000	65500
631	XOA0001	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	Lần	100	100000	0
632	XOA0074	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống-Nhi	Lần	100	100000	65000
633	XOA0054	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày-Nhi	Lần	100	100000	65500

634	XOA0084	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	100	100000	65500
635	XOA0113	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Lần	100	100000	65500
636	CXK0003	Điện châm	Lần	100	100000	67300
637	XOA0027	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác-Nhi	Lần	100	100000	65500
638	XOA0069	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác-Nhi	Lần	100	100000	65500
639	CXK0030	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	Lần	100	85000	0
640	XOA0090	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Lần	100	100000	65500
641	XOA0104	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Lần	100	100000	65500
642	XOA0098	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Lần	100	100000	65500

643	CXK002	Hào châm	Lần	100	100000	65300
644	DMC001	Điện mãng châm	lượt	0	100000	0
645	DVD0010	Cứu	Lần	100	80000	35500
646	XOA0002	Xoa bóp phòng chống loét	Lần	0	100000	65500
647	CAY0010	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Lần	0	560000	0
648	CXK0004	Tập vận động đoạn chi 30 phút - Nhi	Lần	100	85000	42300
649	XOA0105	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	100	100000	65500
650	CXK0100	Cứu	Lần	100	80000	35500
651	CXK0028	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)	Lần	100	85000	0
652	XOA0065	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta-Nhi	Lần	100	100000	65500
653	XOA0117	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	100	100000	65500

654	XOA0037	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính-Nhi	Lần	100	100000	65500
655	XOA0060	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai-Nhi	Lần	100	100000	65500
656	XOA0120	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	100	100000	65500
657	XOA0046	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực-Nhi	Lần	100	100000	65500
658	XOA0006	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện ma tuý	Lần	100	100000	0
659	XOA0078	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm-Nhi	Lần	100	100000	65500
660	XOA0042	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp-Nhi	Lần	100	100000	65500

661	XOA0018	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người-Nhi	Lần	100	100000	65500
662	CXK0040	Tập vận động có trợ giúp	Lần	0	85000	46900
663	XOA0101	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	100	100000	65500
664	CAY0007	Cấy chỉ	Lần	100	560000	143000
665	XOA0114	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	100	100000	65500
666	XOA0112	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Lần	100	100000	65500
667	XOA0051	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực-Nhi	Lần	100	100000	65500
668	XOA0123	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	100	100000	65500
669	CXK0049	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Lần	100	100000	41800

670	XOA0079	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng-Nhi	Lần	100	100000	65500
671	XOA0094	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	100	100000	65500
672	XOA0136	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	100	100000	65500
673	XOA0096	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	100	100000	65500
674	XOA0119	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần	100	100000	65500
675	DIE0043	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não-Nhi	Lần	100	100000	67300
676	XOA0085	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Lần	100	100000	65500

677	XOA0031	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược-Nhi	Lần	100	100000	65500
678	LAY004	Tiêm thuốc tĩnh mạch một lần	Lần	0	20000	0
679	BAN010	Băng bó vết thương	Lần	0	80000	0
680	DIE0132	Điều Trị u máu bằng laser không gây mê	Lần	100	4500000	0
681	CXK0048	Tập ho có trợ giúp	Lần	100	31000	30100
682	DIE0009	Điều trị sẹo xấu bằng Laser loại 2	Lần	0	6000000	0
683	NHI0012	Nhĩchâm điều trị thoái hóa khớp gối	Lần	0	100000	0
684	CXK0017	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	Lần	0	40000	0
685	CAY0015	Cấy chỉ điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần	0	560000	0
686	KY0012	Tập vận động chủ động-Nhi	Lần	0	85000	0
687	CAY0008	Cấy chỉ dịch vụ	Lần	100	1250000	143000

688	CAP002	Cấp tóm tắt bệnh án bằng tiếng Việt	Lần	0	120000	0
689	THO002	Thở oxy cách quãng (>8 lần) 30 phút/lần	Lần	0	30000	0
690	XAC004	Xác nhận điều trị ngoại trú bằng tiếng Anh	Lần	0	170000	0
691	CAO001	Cạo gió	Lần	0	50000	0
692	CON001	Công tiêm thuốc	lần	0	20000	0
693	THO003	Thở oxy cách quãng (>8 lần) 60 phút/lần	Lần	0	65000	0
694	RUA001	Rửa bàng quang	Lần	0	198000	198000
695	THO004	Thở oxy liên tục	Bình	0	150000	0
696	DIE003	Điện di ion trị liệu	Lần	0	600000	0
697	DOT001	Đốt điện loại A (đơn giản)	Lần	0	150000	0
698	TRU001	Truyền dịch chai đầu	Chai	0	50000	0
699	THA001	Thay drap trải giường	Lần	0	20000	0
700	DOT002	Đốt điện loại B (trung bình)	Lần	0	300000	0
701	TRU002	Truyền dịch chai sau	Chai	0	30000	0
702	DAP001	Điều trị bằng đắp paraphin - VLTL	Lần	0	50000	0

703	XAC002	Xác nhận điều trị nội trú	Lần	0	60000	0
704	XON001	Xông mũi	Lần	0	50000	0
705	SEO002	Sẹo lồi bắn lần 2	Lần	0	4500000	0
706	DOT003	Đốt điện loại C (khó)	Lần	0	440000	0
707	DOT004	Đốt laser loại A (đơn giản)	Lần	0	300000	0
708	XAC001	Xác nhận điều trị nội trú tiếng Anh	Lần	0	170000	0
709	SEO001	Sẹo lồi bắn lần đầu	Lần	0	5000000	0
710	DOT005	Đốt laser loại B (trung bình)	Lần	0	440000	0
711	DOT006	Đốt laser loại C (khó)	Lần	0	600000	0
712	CHI001	Chích sẹo lồi	Lần	0	600000	0
713	DOT007	Đốt mụn cóc (1 mụn)	Lần	0	80000	0
714	TRI001	Triệt lông bẹn (lần 1)	Lần	0	1500000	0
715	TRI002	Triệt lông bẹn (lần 2)	Lần	0	1300000	0
716	TRI003	Triệt lông bẹn (lần 3 trở lên)	Lần	0	1000000	0
717	TRI004	Triệt lông cẳng chân 1 bên (lần 1)	Lần	0	2000000	0
718	TRI005	Triệt lông cẳng chân 1 bên (lần 2)	Lần	0	1500000	0

719	TRI006	Triệt lông cẳng chân 1 bên (lần 3 trở lên)	Lần	0	1200000	0
720	TRI007	Triệt lông cẳng tay 1 bên (lần 1)	Lần	0	1500000	0
721	TRI008	Triệt lông cẳng tay 1 bên (lần 2)	Lần	0	1300000	0
722	TRI009	Triệt lông cẳng tay 1 bên (lần 3 trở lên)	Lần	0	1000000	0
723	TRI010	Triệt lông cánh tay 1 bên (lần 1)	Lần	0	1500000	0
724	TRI011	Triệt lông cánh tay 1 bên (lần 2)	Lần	0	1300000	0
725	TRI012	Triệt lông cánh tay 1 bên (lần 3 trở lên)	Lần	0	1000000	0
726	TRI013	Triệt lông nách 1 bên (lần 1)	Lần	0	1000000	0
727	TRI014	Triệt lông nách 1 bên (lần 2)	Lần	0	900000	0
728	TRI015	Triệt lông nách 1 bên (lần 3 trở lên)	Lần	0	800000	0
729	TRI016	Triệt lông đùi 1 bên (lần 1)	Lần	0	2500000	0
730	TRI017	Triệt lông đùi 1 bên (lần 2)	Lần	0	2000000	0

731	TRI018	Triệt lông đùi 1 bên (lần 3 trở lên)	Lần	0	1800000	0
732	TRI019	Triệt lông ria mép (lần 1)	Lần	0	1000000	0
733	TRI020	Triệt lông ria mép (lần 2)	Lần	0	900000	0
734	TRI021	Triệt lông ria mép (lần 3 trở lên)	Lần	0	800000	0
735	TRI022	Triệt lông vùng bụng (lần 1)	Lần	0	1500000	0
736	TRI023	Triệt lông vùng bụng (lần 2)	Lần	0	1000000	0
737	TRI024	Triệt lông vùng bụng (lần 3 trở lên)	Lần	0	800000	0
738	TRI025	Triệt lông vùng ngực (lần 1)	Lần	0	2500000	0
739	TRI026	Triệt lông vùng ngực (lần 2)	Lần	0	2000000	0
740	TRI027	Triệt lông vùng ngực (lần 3 trở lên)	Lần	0	1800000	0
741	XAM001	U mạch 1-5 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	3000000	0
742	XAM002	U mạch 1-5 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	2500000	0
743	XAM003	U mạch 1-5 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	2000000	0

744	XAM004	U mạch 6-10 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	4000000	0
745	XAM005	U mạch 6-10 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	3500000	0
746	XAM006	U mạch 6-10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	3000000	0
747	XAM007	U mạch trên 10 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	5000000	0
748	XAM008	U mạch trên 10 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	4500000	0
749	XAM009	U mạch trên 10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	3500000	0
750	XOA002	Xóa nhăn chân mày bằng Botox	Lần	0	3500000	0
751	XOA003	Xóa nhăn đuôi mắt bằng Botox	Lần	0	4000000	0
752	XOA004	Xóa nhăn trán bằng Botox	Lần	0	4000000	0
753	XOA005	Xóa xăm diện tích lớn (lần 1)	Lần	0	3000000	0
754	XOA006	Xóa xăm diện tích lớn (lần 2)	Lần	0	2800000	0
755	XOA007	Xóa xăm diện tích lớn (lần 3 trở lên)	Lần	0	2500000	0
756	XOA008	Xóa xăm diện tích nhỏ (lần 1)	Lần	0	2000000	0

757	XOA009	Xóa xăm diện tích nhỏ (lần 2)	Lần	0	1500000	0
758	XOA010	Xóa xăm diện tích nhỏ (lần 3 trở lên)	Lần	0	1200000	0
759	XOA011	Xóa xăm diện tích trung bình (lần 1)	Lần	0	2500000	0
760	XOA012	Xóa xăm diện tích trung bình (lần 2)	Lần	0	2000000	0
761	XOA013	Xóa xăm diện tích trung bình (lần 3 trở lên)	Lần	0	1800000	0
762	DIE004	Điều trị u máu bằng tia laser có gây mê	Lần	0	5000000	0
763	DIE005	Điều trị u máu bằng tia laser không gây mê	Lần	0	4500000	0
764	TRE001	Trẻ da hóa vùng mặt (lần 1)	Lần	0	4500000	0
765	TRE002	Trẻ da hóa vùng mặt (lần 2)	Lần	0	4000000	0
766	TRE003	Trẻ da hóa vùng mặt (lần 3 trở lên)	Lần	0	2500000	0
767	LAM001	Làm phẳng sẹo bằng laser CO2	Lần	0	800000	0

768	CAT001	Cắt u máu lam tỏa, đường kính bằng và trên 10cm	Lần	0	3400000	0
769	CAT002	Cắt u màu, u bạch huyết vùng cổ, nách, bẹn có đường kính trên 10cm	Lần	0	3400000	0
770	PHA001	Phẫu thuật u mạch máu dưới da đường kính dưới 5cm	Lần	0	3400000	0
771	QUA001	Quang đông, quang bốc bay tổ chức bằng Laser CO2 điều trị u máu các thể ở da, điều trị mào gà sinh dục, giãn tĩnh mạch	Lần	0	3000000	0
772	DIE011	Điều trị sẹo lồi 1-5 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	3000000	0
773	DIE012	Điều trị sẹo lồi 1-5 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	2500000	0

774	DIE013	Điều trị sẹo lồi 1-5 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	2000000	0
775	DIE014	Điều trị sẹo lồi 6-10 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	4000000	0
776	DIE015	Điều trị sẹo lồi 6-10 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	3500000	0
777	DIE016	Điều trị sẹo lồi 6-10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	3000000	0
778	DIE017	Điều trị sẹo lồi trên 10 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	5000000	0
779	DIE018	Điều trị sẹo lồi trên 10 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	4500000	0
780	DIE019	Điều trị sẹo lồi trên 10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	3500000	0
781	DIE020	Điều trị sẹo rỗ 1-5 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	3000000	0
782	DIE021	Điều trị sẹo rỗ 1-5 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	2500000	0

783	DIE022	Điều trị sẹo rỗ 1-5 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	2000000	0
784	DIE023	Điều trị sẹo rỗ 6-10 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	4000000	0
785	DIE024	Điều trị sẹo rỗ 6-10 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	3500000	0
786	DIE025	Điều trị sẹo rỗ 6-10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	3000000	0
787	DIE026	Điều trị sẹo rỗ trên 10 lần phát tia (lần 1)	Lần	0	5000000	0
788	DIE027	Điều trị sẹo rỗ trên 10 lần phát tia (lần 2)	Lần	0	4500000	0
789	DIE028	Điều trị sẹo rỗ trên 10 lần phát tia (lần 3 trở lên)	Lần	0	3500000	0
790	DIE029	Điều trị bệnh da tăng sắc tố (Nevus bẩm sinh, Dát cà phê sữa, Đốm nâu...)	Lần	0	5000000	0
791	TAP0011	Tập với hệ thống ròng rọc-Nhi	Lần	100	29000	29000

792	KEO0051	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần	100	70000	45300
793	XOA0209	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Lần	100	100000	65500
794	TAP0063	Tập vận động toàn thân 30 phút	lần	0	85000	46900
795	XOA0232	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Lần	100	100000	65500
796	TAP0089	Tập vận động tại giường	lần	0	85000	0
797	KYT0004	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Lần	100	100000	41800
798	XOA0225	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Lần	100	100000	65500
799	XOA0220	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần	100	100000	65500
800	XOA0212	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Lần	100	100000	65500

801	TAP0039	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	Lần	100	11200	11200
802	XOA0204	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Lần	100	100000	65000
803	XOA0245	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Lần	100	100000	65500
804	VAT0012	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não-Nhi	Lần	0	85000	0
805	DIE0168	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần	100	100000	67300
806	KY0023	Tập điều hòa cảm giác	Lần	0	85000	0
807	KY0017	Tập các vận động thô của bàn tay	Lần	0	85000	0
808	TAP0024	Tập đi với thanh song song	Lần	100	54000	29000
809	GAY0058	Gậy tập - Nhi	Lần	100	29000	0
810	THU0009	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	0	130000	0

811	VAT0013	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong-Nhi	Lần	0	85000	0
812	XOA0224	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	100	100000	65500
813	TAP0017	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	Lần	100	85000	46900
814	TAP0005	Tập vận động có trợ giúp-Nhi	Lần	0	85000	46900
815	DIE0158	Điện châm điều trị hội chứng stress	Lần	100	100000	67300
816	DIEU108	Điều trị bằng tia hồng ngoại - NT	Lần	0	50000	0
817	XOA0244	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần	0	100000	0

818	VAT0002	Vật lý trị liệu PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng-Nhi	Lần	0	40000	0
819	TAP0060	Tập vận động có kháng trở - NT	lần	0	85000	0
820	VAT0024	Tập do cứng khớp-Nhi	Lần	0	40000	0
821	KEO0068	Kéo cột sống bằng máy-NT	Lần	0	80000	0
822	THU0006	Thủy châm	lần	100	130000	66100
823	DIE01000	Điện châm	Lần	100	100000	67300
824	VAT0026	Tập do liệt thần kinh trung ương-Nhi	Lần	0	40000	0
825	VAT0017	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não-Nhi	Lần	0	40000	0
826	NAN0006	Nạng nách-Nhi	Lần	100	29000	0
827	VAT0001	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp-Nhi	Lần	0	40000	0

828	HN001	Hồng Ngoại	Lần	0	50000	0
829	XED0001	Xe đạp-Nhi	Lần	100	29000	29000
830	XOA0214	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Lần	100	100000	65500
831	DUN0001	Dụng cụ tập sấp ngửa cổ tay-Nhi	Lần	100	29000	29000
832	NAN0056	Nạng nách-NT	Lần	100	29000	29000
833	KHU0005	Khung tập đi-Nhi	Lần	100	29000	29000
834	VAT0006	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt-Nhi	Lần	0	40000	0
835	NAN0057	Nạng khuỷu-NT	Lần	100	29000	0
836	VAT0021	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh toạ-Nhi		0	40000	0
837	VAT0014	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gẫy thân xương đùi-Nhi	Lần	0	40000	0

838	VAT0022	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên-Nhi	Lần	0	40000	0
839	VAT0007	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối-Nhi	Lần	0	40000	0
840	VAT0015	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy cổ xương đùi-Nhi	Lần	0	40000	0
841	VAT0016	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy trên lồi cầu xương cánh tay-Nhi	Lần	0	40000	0
842	TAP0065	Tập với hệ thống ròng rọc - NT	lần	100	28500	0
843	VAT0008	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối-Nhi	Lần	0	40000	0

844	VAT0011	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai-Nhi	Lần	0	40000	0
845	VAT0010	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai-Nhi	Lần	0	40000	0
846	KHU0051	Khung tập đi-NT	lần	100	29000	0
847	VAT0004	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm-Nhi	Lần	0	29000	0
848	DIE0185	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	0	100000	0
849	TAP0036	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Lần	100	54000	29000
850	XOA3000	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não [Nhi]	Lần	100	100000	65500
851	XOA0251	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	100	100000	65500
852	NHI0001	Nhĩ châm	Lần	100	100000	65300
853	XOA0254	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	100	100000	65500

854	XOA0200	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Lần	100	100000	65500
855	VAT0028	Tập vận động tại giường-Nhi	Lần	0	85000	0
856	XOA0201	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Lần	100	100000	65500
857	XOA0237	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	100	100000	65500
858	XOA0246	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	100	100000	65500
859	XOA0213	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần	100	100000	65500
860	XOA0215	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	100	100000	65500

861	VAT0018	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)-Nhi	Lần	0	85000	0
862	BAN0006	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi-Nhi	Lần	100	29000	29000
863	XOA0221	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần	100	100000	65500
864	TAP0019	Tập các kiểu thở	Lần	100	31000	30100
865	TAP0033	Tập vận động trên bóng	Lần	0	85000	29000
866	TAP0067	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	lần	100	29000	29000
867	XOA0256	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Lần	100	100000	65500
868	XOA0228	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần	100	100000	65500
869	XOA0229	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Lần	100	100000	65500

870	XOA0243	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Lần	100	100000	65500
871	PHU0011	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	lần	0	85000	0
872	DIE0193	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Lần	100	100000	67300
873	TAP0084	Tập do cứng khớp	lần	0	40000	0
874	SUD0010	Sử dụng xe lăn	lần	100	29000	0
875	CAC0059	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay-Nhi	Lần	100	29000	29000
876	TAP0006	Tập vận động có kháng trở-Nhi	Lần	100	85000	0
877	KY0024	Tập tri giác và nhận thức	Lần	0	85000	0
878	TAP0038	Tập với máy tập thăng bằng	Lần	0	54000	29000
879	KEO0064	Kéo nắn cột sống cổ	Lần	100	70000	45300
880	LUO0001	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	Lần	0	50000	0
881	LUO0002	Lượng giá chức năng dáng đi	Lần	0	50000	0

882	VAT0020	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng-Nhi	Lần	0	85000	0
883	TAP0012	Tập với xe đạp tập-Nhi	Lần	100	12000	11200
884	MAN0001	Máng đỡ bàn tay	Lần	0	29000	0
885	TAP0041	Tập đi với bàn xương cá	Lần	100	54000	29000
886	TAP0029	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	Lần	100	54000	29000
887	DIE0169	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	Lần	100	100000	67300
888	XOA0258	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	Lần	100	100000	65500
889	DIE0156	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần	100	100000	67300
890	DIE0160	Điện châm điều trị viêm amidan	Lần	100	100000	67300
891	XOA0239	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Lần	100	100000	65500

892	KY0002	Kỹ thuật di động mô mềm	Lần	0	51000	0
893	KY0001	Kỹ thuật di động khớp	Lần	0	51000	0
894	VAT0025	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người,liệt các chi,tổn thương hệ vận động-Nhi	Lần	0	40000	0
895	TAP0087	Tập do liệt thần kinh trung ương	lần	0	40000	0
896	KY0014	Tập dáng đi	Lần	0	85000	0
897	TAP0020	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer …)	Lần	100	31000	30100
898	DAP0051	Đắp nóng	Lần	100	35500	35500
899	VAT0009	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối-Nhi	Lần	0	40000	0
900	XOA0222	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần	100	100000	65500

901	VAT0083	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	lần	0	40000	0
902	DIE0189	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Lần	100	100000	67300
903	TAP0014	Tập vận động thụ động	Lần	0	85000	0
904	KYT0001	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Lần	100	85000	42300
905	DIE0183	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần	100	100000	67300
906	CHI0061	Chích lể-NT	Lần	0	100000	72300
907	DIE0166	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Lần	100	100000	67300
908	PHU0016	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	lần	0	85000	0
909	TAP0023	Tập vận động có kháng trở-BHYT	Lần	100	85000	46900

910	KY0018	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	Lần	0	85000	0
911	SUD0002	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi-Nhi	Lần	100	29000	29000
912	KEO0103	Kéo nắn cột sống thắt lưng-Nhi	Lần	100	70000	45300
913	NAN0007	Nạng khuỷu-Nhi	Lần	100	29000	29000
914	TAP0042	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	Lần	100	29000	29000
915	TAP0037	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	Lần	0	54000	29000
916	TAP0064	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi - NT	lần	100	12000	11200
917	NEP0001	Nẹp khớp gối-Nhi	Lần	0	29000	0
918	DIE0176	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	100	100000	67300
919	TAP0034	Tập với thang tường	Lần	100	54000	29000
920	TAP0028	Tập lên, xuống cầu thang	Lần	100	45000	28500
921	BAN0054	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi-NT	lần	100	29000	0

922	XOA0210	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Lần	100	100000	65500
923	XOA0216	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần	100	100000	65500
924	DIE0180	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Lần	100	100000	67300
925	DIE0186	Điện châm điều trị đau răng	Lần	100	100000	67300
926	DIE0192	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần	100	100000	67300
927	VAT0005	Tập vận động chủ động	Lần	0	85000	0
928	DIE0188	Điện châm điều trị ù tai	Lần	100	100000	67300
929	CUU1000	Cứu	Lần	100	80000	35500
930	DUN0003	Dụng cụ tập khớp cổ tay-Nhi	Lần	100	29000	29000
931	XOA0241	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	100	100000	65500
932	KY0010	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	Lần	0	85000	0

933	KY0019	Tập phối hợp hai tay	Lần	0	85000	46900
934	KY0020	Tập phối hợp tay mắt	Lần	0	85000	0
935	NEP0060	Nẹp khớp gối	Lần	0	29000	0
936	VAT0019	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp-Nhi	Lần	0	85000	0
937	DIE0184	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần	100	100000	67300
938	XOA0218	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Lần	100	100000	65500
939	NAN0069	Nắn, bó gẫy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT-NT	Lần	0	103000	103000
940	XOA0219	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	100	100000	65500
941	TAP0016	Tập vận động có kháng trở	Lần	0	85000	0
942	XED00054	Xe đạp	Lần	100	29000	29000

943	XOA0250	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Lần	100	100000	65500
944	TAP0062	Tập vận động đoạn chi 30 phút	lần	100	85000	0
945	VAT0071	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	lần	0	40000	0
946	VAT0055	Vật lý trị liệu PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	lần	0	40000	0
947	TAP0085	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người,liệt các chi,tổn thương hệ vận động	lần	0	40000	0

948	VAT0076	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gẫy thân xương đùi	lần	0	40000	0
949	XOA0233	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần	100	100000	65500
950	DIE0175	Điện châm điều trị khàn tiếng	Lần	100	100000	67300
951	CAC0002	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay-Nhi	Lần	100	29000	29000
952	XOA0208	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần	100	100000	65500
953	KY0007	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	Lần	0	70000	0
954	TAP0040	Tập với xe đạp tập [Nhi]	Lần	100	12000	11200
955	TAP0066	Tập với xe đạp tập	lần	100	12000	11200
956	KYT0002	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Lần	100	85000	45400

957	XOA0207	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần	100	100000	65500
958	XOA0231	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Lần	100	100000	65500
959	XOA0247	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Lần	100	100000	65500
960	XOA0202	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần	100	100000	65500
961	DIE0157	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần	100	100000	67300
962	KY0011	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	Lần	0	85000	0
963	KY0009	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	Lần	0	85000	0
964	VAT0027	Tập vận động cột sống-Nhi	Lần	0	85000	0

965	TAP0007	Tập vận động thụ động-Nhi	Lần	100	85000	0
966	TAP0009	Tập vận động toàn thân 30 phút-Nhi	Lần	0	85000	46900
967	XOA0257	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Lần	100	100000	65500
968	DIE0172	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần	100	100000	67300
969	VAT0075	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	lần	0	40000	0
970	XOA0242	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần	100	100000	65500
971	KYT0005	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Lần	100	200000	50700
972	DIE0159	Điện châm điều trị cảm mạo	Lần	100	100000	67300
973	XOA0234	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần	100	100000	65500
974	DIE0182	Điện châm điều trị lác cơ năng	Lần	100	100000	67300

975	XOA0248	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần	100	100000	65500
976	XOA0253	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Lần	100	100000	65500
977	XOA0217	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Lần	100	100000	65500
978	VAT0072	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	lần	0	40000	0
979	XOA0240	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần	100	100000	65500
980	DIE0174	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần	100	100000	67300
981	XOA0227	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần	100	100000	65500

982	VAT0079	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy trên lồi cầu xương cánh tay	lần	0	40000	0
983	VAT0077	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy cổ xương đùi	lần	0	40000	0
984	XOA0235	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc - nhi	Lần	100	100000	65500
985	TAP0030	Tập đi với chân giả trên gối	Lần	100	54000	28500
986	VAT0082	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh toạ	lần	0	40000	0
987	HAO003	Hào châm	Lần	100	100000	65300
988	KY0013	Tập vận động tự do tứ chi	Lần	0	85000	0
989	XOA0226	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Lần	100	100000	65500
990	DIE0195	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Lần	100	100000	67300

991	PHU0015	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	lần	0	85000	0
992	TAP0021	Tập ho có trợ giúp	Lần	100	31000	30100
993	DIE0171	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần	100	100000	67300
994	DUN0052	Dụng cụ tập sấp ngửa cổ tay - Nhi	lần	100	29000	29000
995	TAP0061	Tập vận động thụ động	lần	0	85000	0
996	TAP0015	Tập vận động có trợ giúp	Lần	100	85000	46900
997	XOA3001	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	Lần	100	100000	65500
998	LUO0007	Đo tầm vận động khớp	Lần	100	50000	0
999	DUN0002	Dụng cụ tập cổ chân-Nhi	Lần	100	29000	29000
1000	XOA0252	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Lần	100	100000	65500
1001	TAP0050	Tập vận động có trợ giúp	Lần	0	85000	46900
1002	DIE0167	Điện châm điều trị viêm bàng quang	Lần	100	100000	67300

1003	PHU0014	Phục hồi chức năng thoái hóa khớp (cột sống cổ - lưng)	lần	0	85000	0
1004	DUN0053	Dụng cụ tập khớp cổ tay - Nhi	lần	100	29000	29000
1005	DIE0173	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần	100	100000	67300
1006	KEO0041	Kéo cột sống thắt lưng	Lần	0	70000	0
1007	DIE0191	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần	100	100000	67300
1008	TAP0013	Tập với xe lăn-Nhi	Lần	100	29000	0
1009	GAY0001	Gậy tập-Nhi	Lần	100	29000	29000
1010	XOA0206	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	100	100000	65500
1011	HUO0011	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay - Nhi	lần	0	29000	0

1012	KY0022	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí…)	Lần	0	85000	0
1013	DIE0177	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần	100	100000	67300
1014	DIE0155	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần	100	100000	67300
1015	CHU0066	Chườm lạnh	Lần	100	36000	35500
1016	KY0004	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	Lần	0	51000	0
1017	KY0003	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	Lần	0	51000	0
1018	KY0005	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	Lần	0	51000	0
1019	DIE0194	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Lần	100	100000	67300
1020	KYT0006	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Lần	100	29000	29000

1021	KY0015	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	Lần	0	29000	0
1022	KY0016	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	Lần	0	29000	0
1023	VAT0003	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay-Nhi	Lần	0	29000	0
1024	KYT0011	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	lần	0	29000	0
1025	TAP0088	Tập vận động cột sống	lần	0	85000	0
1026	KY0006	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	Lần	0	31000	30100
1027	TAP0027	Tập đi với gậy	Lần	100	54000	28500
1028	TAP0032	Tập đi với khung treo	Lần	100	54000	28500
1029	CXK0055	Tập đi với thanh song song	Lần	100	54000	29000
1030	VAT0069	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	lần	0	40000	0

1031	XOA0249	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần	100	100000	65500
1032	DIE0161	Điện châm điều trị trĩ	Lần	100	100000	67300
1033	VAT0080	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	lần	0	40000	0
1034	KY0025	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	Lần	0	85000	0
1035	SUD0011	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	lần	100	29000	28500
1036	TAP0010	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi-Nhi	Lần	100	12000	10800
1037	TAP0008	Tập vận động đoạn chi 30 phút-Nhi	Lần	100	85000	42300
1038	VAT0066	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	lần	0	40000	0

1039	DIE0178	Điện châm điều trị chắp lẹo	Lần	100	100000	67300
1040	VAT0073	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	lần	0	40000	0
1041	XOA0238	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần	100	100000	65500
1042	VAT0084	Vật lý trị liệu-PHCN cho người cao tuổi	lần	0	40000	0
1043	VAT0074	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	lần	0	40000	0
1044	TAP0035	Tập với ròng rọc	Lần	100	29000	11200
1045	DIE0179	Điện châm điều trị đau hố mắt	Lần	100	100000	67300
1046	DIE0187	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần	100	100000	67300
1047	DIE0181	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần	100	100000	67300

1048	NHI0007	Nhĩchâm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	Lần	0	100000	0
1049	KEO0069	Kéo cột sống cổ	Lần	0	70000	0
1050	XOA0211	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần	100	100000	65500
1051	XOA0205	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	100	100000	65500
1052	DIE0170	Điện châm điều trị sa tử cung	Lần	100	100000	67300
1053	SUD0001	Sử dụng xe lăn-Nhi	Lần	100	29000	0
1054	MAN0050	Máng đỡ bàn tay-NT	Lần	0	29000	0
1055	TAP0031	Tập đi với chân giả dưới gối	Lần	100	54000	28500
1056	TAP0026	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Lần	100	54000	28500
1057	PHU0012	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	lần	0	85000	0

1058	XOA0203	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần	100	100000	65500
1059	NHI0006	Nhĩ châm điều trị mất ngủ	Lần	0	100000	0
1060	NHI0011	Nhĩchâm điều trị thoái hóa khớp gối		0	100000	0
1061	NHI0010	Nhĩchâm điều trị béo phì	Lần	0	100000	0
1062	XOA0255	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần	100	100000	65500
1063	TAP0018	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Lần	100	85000	45400
1064	KY0021	Tập phối hợp tay miệng	Lần	0	85000	0
1065	DIE0190	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Lần	0	100000	67300
1066	TAP0022	Tập vận động có trợ giúp- BHYT	Lần	0	85000	46900
1067	LUO0004	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	Lần	0	50000	0

1068	XOA0223	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Lần	100	100000	65500
1069	LUO0003	Lượng giá chức năng thăng bằng	Lần	0	50000	0
1070	LUO0005	Lượng giá lao động hướng nghiệp	Lần	0	50000	0
1071	XOA0230	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần	100	100000	65500
1072	LUO0006	Thử cơ bằng tay	Lần	0	50000	0
1073	BOE003	Bó êm cẳng chân	Lần	0	70000	0
1074	BOE001	Bó êm cẳng tay	Lần	0	70000	0
1075	BOE002	Bó êm đùi	Lần	0	60000	0
1076	DIE009	Điều trị bằng các dòng điện xung	Lần	100	50000	41400
1077	GIA001	Giác hơi - NT	Lần	0	50000	0
1078	HUO001	Hướng dẫn dưỡng sinh - NT	Lần	0	60000	0
1079	KEO001	Kéo cột sống bằng thiết bị	Lần	0	40000	0
1080	KEO002	Kéo nắn cột sống, khớp (bằng tay)	Lần	0	50000	0
1081	MAS001	Massage 30 phút	Lần	0	50000	0

1082	NGU001	Người bệnh dùng thiết bị tập (có YS,ĐD hướng dẫn)	Lần	0	30000	0
1083	NGU002	Người bệnh dùng thiết bị tự tập	Lần	0	20000	0
1084	ONC003	Ôn châm với điếu ngải - NT	Lần	0	82000	65300
1085	ONC004	Ôn châm với hồng ngoại - NT	Lần	0	82000	65300
1086	DOS001	Sóng ngắn - NT	Lần	100	45000	34900
1087	TAP004	Tập dưỡng sinh - NT	Lần	0	50000	0
1088	TAP002	Tập không thiết bị	Lần	0	40000	0
1089	TAP001	Tập VLTL phục hồi liệt	Lần	0	40000	0
1090	XOA001	Xoa bóp bấm huyệt - NT	Lần	100	100000	65500
1091	XON003	Xông hơi	Lần	0	50000	0
1092	NGA0100	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần	100	50000	48800
1093	LUY0062	Luyện tập dưỡng sinh	Lần	0	50000	0
1094	XOA0236	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần	100	100000	65500

1095	BAM001	Bấm nắn + bó thuốc	Lần	0	70000	0
1096	NGA0012	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Lần	100	100000	48800
1097	NAN0067	Nắn, bó gẫy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	Lần	100	103000	103000
1098	NAN0066	Nắn, bó gẫy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	Lần	100	103000	103000
1099	DIE033	Điện châm	Lần	0	100000	0
1100	DIE0055	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh-Nhi	Lần	100	100000	67300
1101	DIE0052	Điện châm điều trị mất ngủ-Nhi	Lần	100	100000	67300
1102	HON003	Hồng ngoại - CC	Lần	100	50000	35200
1103	DIE0065	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình-Nhi	Lần	100	100000	67300

1104	DIE0101	Điện châm điều trị đau mỏi cơ-Nhi	Lần	100	100000	67300
1105	DIE0057	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên-Nhi	Lần	100	100000	67300
1106	DIE0067	Điện châm điều trị thất ngôn-Nhi	Lần	100	100000	67300
1107	DIE0165	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần	100	100000	67300
1108	DIE0073	Điện châm điều trị viêm phần phụ-Nhi	Lần	100	100000	67300
1109	DIE0071	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận-Nhi	Lần	100	100000	67300
1110	DIE0086	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống-Nhi	Lần	100	100000	67300

1111	DIE0095	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn-Nhi	Lần	100	100000	67300
1112	DIE0037	Điện châm điều trị liệt chi trên-Nhi	Lần	100	100000	67300
1113	DIE0096	Điện châm điều trị đau ngực sườn-Nhi	Lần	100	100000	67300
1114	DIE0072	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp-Nhi	Lần	100	100000	67300
1115	DIE0047	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp-Nhi	Lần	100	100000	67300
1116	DIE0089	Điện châm điều trị đau răng-Nhi	Lần	100	100000	67300
1117	DIE0080	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật-Nhi	Lần	100	100000	67300
1118	DIE0068	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi-Nhi	Lần	100	100000	67300

1119	DIE0094	Điện châm điều trị huyết áp thấp-Nhi	Lần	100	100000	67300
1120	DIE0100	Điện châm điều trị đau lưng-Nhi	Lần	100	100000	67300
1121	DIE0061	Điện châm điều trị viêm kết mạc-Nhi	Lần	100	100000	67300
1122	DIE0093	Điện châm điều trị tăng huyết áp-Nhi	Lần	100	100000	67300
1123	DIE0063	Điện châm điều trị lác-Nhi	Lần	100	100000	67300
1124	DIE0064	Điện châm điều trị giảm thị lực-Nhi	Lần	100	100000	67300
1125	DIE0046	Điện châm điều trị giảm khứu giác-Nhi	Lần	100	100000	67300
1126	DIE0048	Điện châm điều trị khàn tiếng-Nhi	Lần	100	100000	67300
1127	DIE0051	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu-Nhi	Lần	100	100000	67300

1128	DIE0088	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư-Nhi	Lần	100	100000	67300
1129	DIE0044	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ-Nhi	Lần	0	100000	0
1130	DIE0059	Điện châm điều trị sụp mi-Nhi	Lần	100	100000	67300
1131	DIE0102	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai-Nhi	Lần	100	100000	67300
1132	DIE0056	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V-Nhi	Lần	100	100000	67300
1133	DIE0164	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần	100	100000	67300
1134	DIE0045	Điện châm điều trị chứng ù tai-Nhi	Lần	100	100000	67300
1135	DIE0097	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh-Nhi	Lần	100	100000	67300

1136	DIE0066	Điện châm điều trị giảm thính lực-Nhi	Lần	100	100000	67300
1137	DIE0069	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta-Nhi	Lần	100	100000	67300
1138	DIE0038	Điện châm điều trị liệt chi dưới-Nhi	Lần	100	100000	67300
1139	DIE0036	Điện châm điều trị di chứng bại liệt-Nhi	Lần	100	100000	67300
1140	DIE0087	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật-Nhi	Lần	100	100000	67300
1141	DIE0070	Điện châm điều trị nôn nấc-Nhi	Lần	100	100000	67300
1142	DIE0163	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần	100	100000	67300
1143	DIE0015	Điện châm cai thuốc lá	Lần	0	100000	0
1144	DIE0016	Điện châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	Lần	0	100000	0

1145	DIE0154	Điện châm	Lần	100	100000	67300
1146	DIE0085	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não-Nhi	Lần	100	100000	67300
1147	DIE0058	Điện châm điều trị chắp lẹo-Nhi	Lần	100	100000	67300
1148	DIE0040	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ-Nhi	Lần	100	100000	67300
1149	DIE0098	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp-Nhi	Lần	100	100000	67300
1150	DIE0041	Điện châm điều trị teo cơ-Nhi	Lần	100	100000	67300
1151	DIE0074	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện-Nhi	Lần	100	100000	67300
1152	DIE0082	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp-Nhi	Lần	100	100000	67300
1153	DIE0053	Điện châm điều trị stress-Nhi	Lần	100	100000	67300

1154	DIE0103	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy-Nhi	Lần	100	100000	67300
1155	DIE0042	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ-Nhi	Lần	100	100000	67300
1156	DIE0091	Điện châm điều trị viêm mũi xoang-Nhi	Lần	100	100000	67300
1157	DIE0039	Điện châm điều trị liệt nửa người-Nhi	Lần	100	100000	67300
1158	LAS0002	Laser Châm	Lần	0	140000	0
1159	HAO0001	Hào châm-Nhi	Lần	100	100000	65300
1160	DIE0050	Điện châm điều trị động kinh cục bộ-Nhi	Lần	100	100000	67300
1161	DIE0075	Điện châm điều trị táo bón-Nhi	Lần	100	100000	67300
1162	DIE0083	Điện châm điều trị béo phì-Nhi	Lần	0	100000	0
1163	DIE0162	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Lần	100	100000	67300

1164	DIE0084	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần-Nhi	Lần	100	100000	67300
1165	DIE0078	Điện châm điều trị đái dầm-Nhi	Lần	100	100000	67300
1166	DIE0090	Điện châm điều trị giảm đau do Zona-Nhi	Lần	100	100000	67300
1167	DIE0054	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính-Nhi	Lần	100	100000	67300
1168	DIE0099	Điện châm điều trị thoái hoá khớp-Nhi	Lần	0	100000	0
1169	DIE0076	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá-Nhi	Lần	100	100000	67300
1170	DIE0062	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp-Nhi	Lần	100	100000	67300
1171	DIE0049	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp-Nhi	Lần	100	100000	67300

1172	DIE0077	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác-Nhi	Lần	100	100000	67300
1173	DIE0092	Điện châm điều trị hen phế quản-Nhi	Lần	100	100000	67300
1174	DIE0079	Điện châm điều trị bí đái-Nhi	Lần	100	100000	67300
1175	DIE0081	Điện châm điều trị cảm cúm-Nhi	Lần	100	100000	67300
1176	DIE030	Điều trị bằng sóng ngắn - CC	Lần	0	30000	0
1177	KEO100	Kéo giãn cột sống cổ bằng máy - CC	Lần	0	40000	0
1178	KEO101	Kéo giãn cột sống thắt lưng bằng máy - CC	Lần	0	40000	0
1179	ONC001	Ôn châm với điếu ngải - CC	Lần	0	82000	65300
1180	ONC002	Ôn châm với hồng ngoại - CC	Lần	0	82000	65300
1181	DIE031	Tập dưỡng sinh	Lần	0	50000	0
1182	GIA002	Giấy gói thuốc	Tờ	0	500	0
1183	LOP001	Lớp dưỡng sinh	Buổi	0	60000	0

1184	XE01	Vận chuyển người bệnh đi làm cận lâm sàng	Lượt	0	150000	0